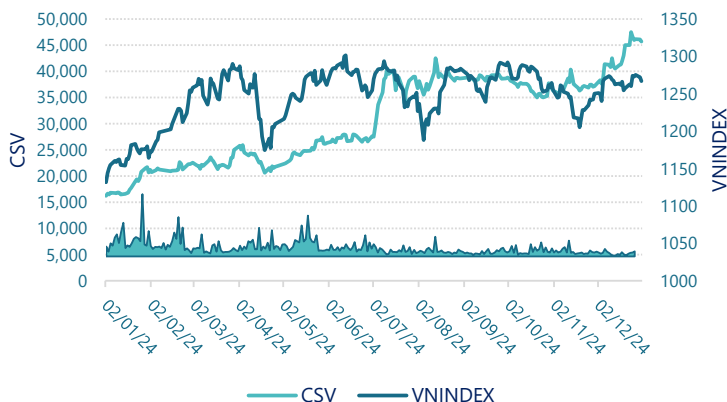




CTCP Hóa chất Cơ bản miền Nam (HSX: CSV)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

31/12/2024

Giá hiện tại (VNĐ)	45,700
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	47,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	16,230
SL cổ phiếu LH	110,499,910
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,911,910
% sở hữu nước ngoài	1.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	5,050
P/E	21.2
EPS	2,157

DT thuần

Q4/24

516

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 8.00 | 1.6%

YoY: ▲ 85.0 | 19.7%

LN sau thuế

Q4/24

55.1

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 23.6 | -29.9%

YoY: ▲ 2.00 | 3.8%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

17.8%

+/- YoY: ▼ 0.6%

DT thuần

2024

1,856

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 268 | 16.8%

LN sau thuế

2024

258

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 27.0 | 12.0%

ROE

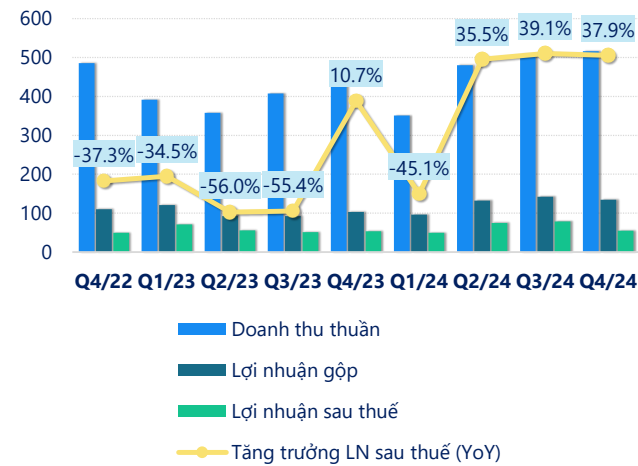
2024

16.0%

+/- YoY: ▲ 1.4%

tỷ VNĐ

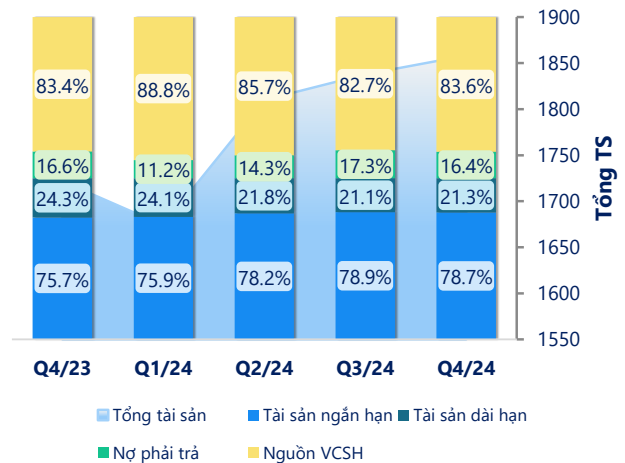
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

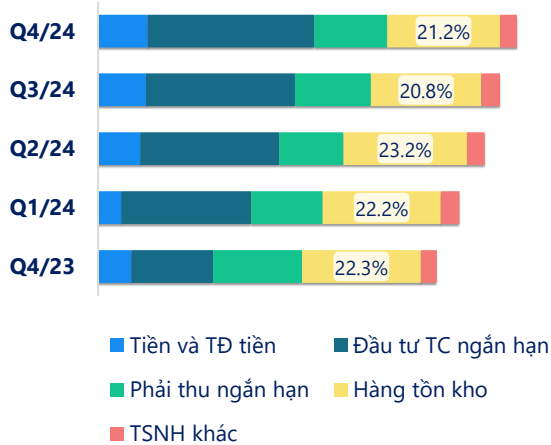
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



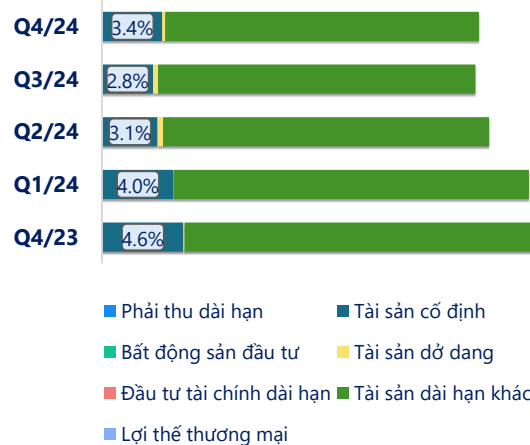
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

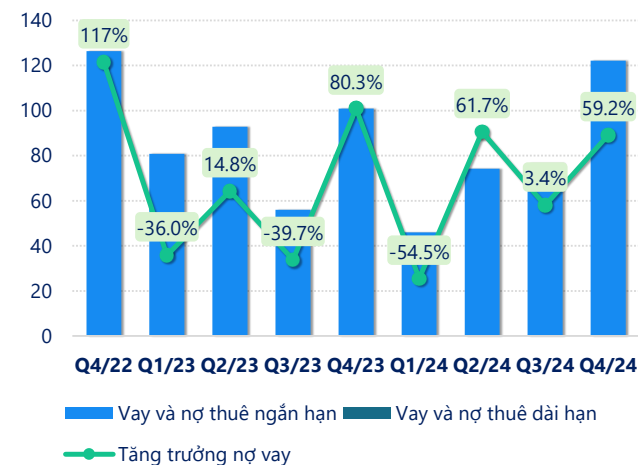
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

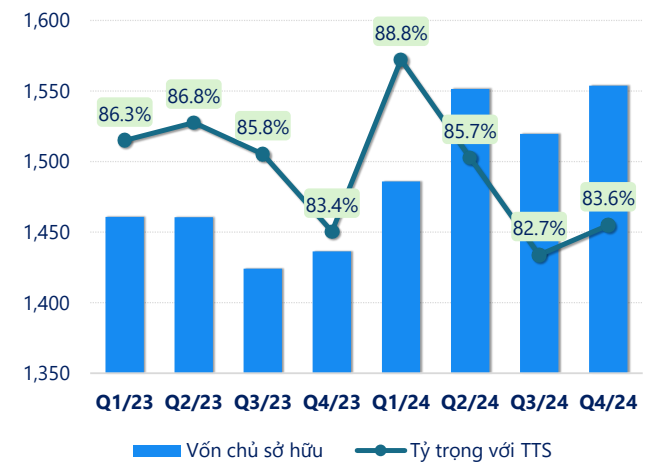
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

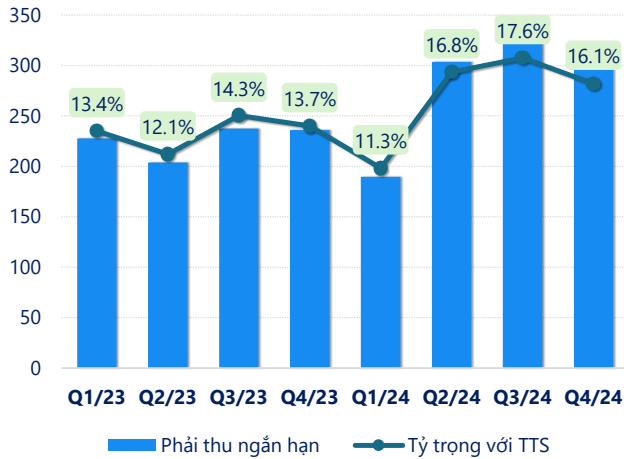
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



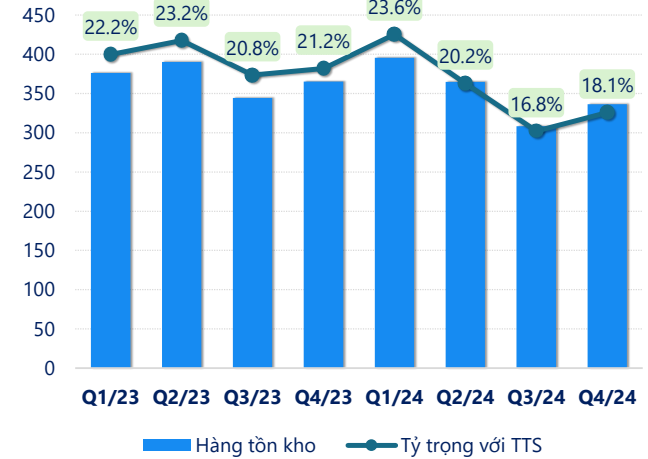
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


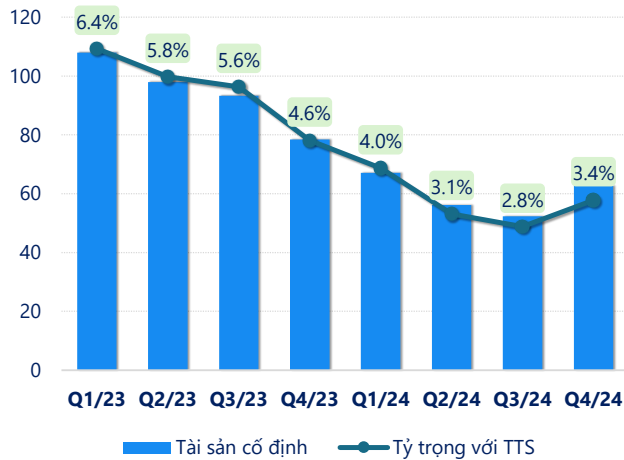
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


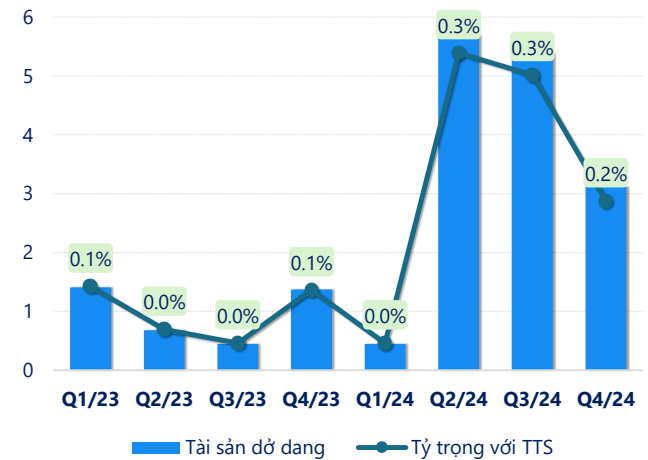
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

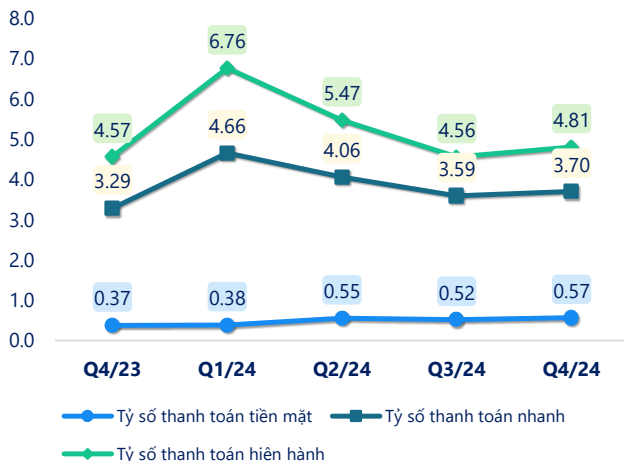
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	1,722	1,674	1,810	1,838	1,858
Tài sản ngắn hạn	1,303	1,271	1,415	1,451	1,463
Tiền và tương đương tiền	107	72.2	143	165	173
Đầu tư tài chính ngắn hạn	540	555	550	595	605
Phải thu ngắn hạn	236	190	303	323	300
Hàng tồn kho	365	396	365	308	336
Tài sản ngắn hạn khác	54.9	58.4	53.4	59.4	49.5
Tài sản dài hạn	418	403	395	387	395
Phải thu dài hạn	0.58	0.54	0.60	0.60	0.66
Tài sản cố định	78.4	67.0	56.1	52.3	62.7
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	1.37	0.45	5.69	5.38	3.12
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	338	335	333	329	329
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	285	188	258	318	304
Nợ ngắn hạn	285	188	258	318	304
Vay và nợ thuê ngắn hạn	101	45.9	74.2	76.8	122
Phải trả người bán ngắn hạn	32.1	52.7	38.7	36.4	22.9
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,436	1,486	1,551	1,520	1,554
Vốn chủ sở hữu	1,436	1,486	1,551	1,520	1,554
Vốn điều lệ	442	442	442	1,105	1,105
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)